TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN MINH HOÁ
TỈNH QUẢNG BÌNH

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 11/2020/HNGĐ- ST
Ngày: 17/02/2020
V/v ly hôn giữa chị N và anh S

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MINH HOÁ, TỈNH QUẢNG BÌNH

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Đinh Đức Cảnh

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông: Đinh Minh Tặng

Ông: Trương Ngọc Nhân

- ***Thư ký phiên toà:*** Ông Cao Lương Bằng – Thư ký Tòa án

- ***Đại diện VKSND huyện Minh Hóa tham gia phiên tòa*:** Bà Đinh Thị Hoài Thanh - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 02 năm 2020, tại phòng xử án, Toà án nhân dân huyện Minh Hoá xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 40/2019/TLST – HNGĐ ngày 24/6/2019 về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con, chia tài sản khi ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 459/2019/QĐXXST- HNGĐ ngày 20/09/2019 của Toà án nhân dân huyện Minh Hoá giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Đinh Thị Bích N

Địa chỉ: Tiểu khu *, thị trấn Q, huyện M, tỉnh Quảng Bình. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

2. Bị đơn: Anh Trần Ngọc S

Địa chỉ: Tiểu khu *, thị trấn Q, huyện M, tỉnh Quảng Bình. Vắng mặt.

3. Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

- Ngân hàng thương mại cổ phần bưu điện liên việt chi nhánh Quảng Bình: Ông Hoàng Như Ý - phó giám đốc là người đại diện theo ủy quyền. Có mặt.

- Ngân hàng chính sách xã hội huyện Minh Hóa, tỉnh Quảng Bình: Ông Hồ Hải D – phó giám đốc là người đại diện theo ủy quyền. Có mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 24/6/2019 và đơn xin xét xử vắng mặt nguyên đơn chị Đinh Thị Bích N trình bày:

- Về hôn nhân: Chị và anh S quen biết, yêu thương nhau và tiến tới hôn nhân có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Xuân Hóa, huyện Minh Hóa, tỉnh Quảng Bình vào năm 2014 trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện. Thời gian đầu chung sống hạnh phúc sau đó thì xảy ra mẫu thuẫn, hai vợ chồng thường xuyên cãi vã, không hợp tính tình, đời sống chung không thể kéo dài. Hai vợ chồng chị N và anh S hiện đã sống ly thân hơn hai năm. Hiện tại chị N cũng không còn tình cảm vợ chồng với anh S. Nhận thấy cuộc sống vợ chồng không thể hàn gắn được, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị N làm đơn yêu cầu được ly hôn với anh S.

- Con chung của vợ chồng: Chị N và anh S có 01 con chung là cháu Trần T, sinh ngày 27/01/2015, do cháu còn nhỏ nên theo nguyện vọng của chị N là xin nuôi cháu T và yêu cầu anh S đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con chung.

- Tài sản chung: Hai vợ chồng không có tài sản chung.

- Về nợ chung: Hai vợ chồng không có nợ chung.

Tại bản tự khai của đương sự ngày 09/7/2019 và quá trình giải quyết vụ án anh Trần Ngọc S trình bày:

- Về hôn nhân: Anh S và chị N có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Xuân Hóa, huyện Minh Hóa, tỉnh Quảng Bình vào năm 2014 trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện. Cuộc sống hai vợ chồng thường xuyên cãi vã, không hợp tính tình, đời sống chung không thể kéo dài. Hai vợ chồng chị N và anh S hiện đã sống ly thân hơn hai năm. Hiện tại anh S cũng không còn tình cảm vợ chồng với chị N.

- Con chung của vợ chồng: Anh S và chị N có 01 con chung là cháu Trần T, sinh ngày 27/01/2015, hiện tại cháu T đang ở với anh S trong nhà của bố mẹ anh S, nguyện vọng của anh S là xin được trực tiếp nuôi dưỡng con vì chị N đã đi làm ăn ở Miền Nam không chăm sóc được con.

- Tài sản chung: Không có

- Về nợ chung: Hai vợ chồng có vay vốn tại ngân hàng chính sách xã hội huyện Minh Hóa số tiền gốc là 60.000.000 đồng và vay của Ngân hàng thương mại cổ phần bưu điện liên việt chi nhánh Quảng Bình số tiền 50.000.000 đ.

Đề nghị Tòa án chia đôi số nợ chung này.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan ông Hồ Hải D: Ông Trần Ngọc S và bà Đinh Thị Bích N có vay vốn tại Phòng giao dịch ngân hàng CSXH huyện Minh Hóa theo hình thức tín chấp với số tiền 60.000.000 đ với hai khế ước: Khế ước 6600000706760102 có dư nợ là 20.000.000 đ, khế ước 6600000708245851 có dư nợ là 40.000.000 đ. Ngân hàng cho vay tín chấp từ nguồn vốn của Chính phủ vì vậy đề nghị bà N, ông S trả đầy đủ cho cho ngân hàng.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan ông Hoàng Như Ý: Ngày 20/12/2018, ông Trần Ngọc S và bà Đinh Thị Bích N vay vốn tại Ngân hàng TMCP bưu điện Liên Việt - chi nhánh Quảng Bình theo hợp đồng tín dụng số HDTD4502018325 cụ thể như sau: Số tiền vay 50.000.000 đ thời hạn vay 36 tháng, phương thức trả: Gốc, lãi hàng tháng; dư nợ gốc còn phải trả tính đến ngày 18/11/2019 là 36.000.000 đ. Đề nghị Tòa án Minh Hóa buộc ông S, bà N phải trả toàn bộ tiền nợ vay cho Ngân hàng.

Tại phiên toà:

- Đại diện Phòng giao dịch ngân hàng chính sách xã hội huyện Minh Hóa: Đề nghị ông S, bà N phải trả số tiền 60.000.000 đ với hai khế ước: Khế ước 6600000706760102 có dư nợ là 20.000.000 đ, khế ước 6600000708245851 có dư nợ là 40.000.000 đ. Số nợ trên đã gồm cả gốc và lãi tính đến ngày 17.02.2020.

- Đại diện Ngân hàng TMCP bưu điện Liên Việt - chi nhánh Quảng Bình: Đề nghị ông S, bà N phải trả số tiền 32.276.903 đ cả gốc, lãi tính đến ngày 17.02.2002.

- Kiểm sát viên phát biểu ý kiến: Về tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án đến khi Hội đồng xét xử vào nghị án thì Thẩm phán xác định về thẩm quyền, quan hệ pháp luật, tư cách đương sự, thời hạn chuẩn bị xét xử đúng quy định của pháp luật và thời hạn gửi hồ sơ cho Viện kiểm sát cũng đảm bảo. Tại phiên toà Hội đồng xét xử, thư ký cũng chấp hành đúng theo quy định của pháp luật. Đối với nguyên đơn đã chấp hành đúng theo quy định tại các Điều 68, 70, 71 và Điều 234 của Bộ luật Tố tụng dân sự, bị đơn chấp hành đúng quy định của pháp luật. Về nội dung: Căn cứ vào các Điều 28, 35, 39, 147, 227, 228, 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 213, 219 của Bộ luật Dân sự; áp dụng các Điều 27, 30, 33, 37, 55, 57, 59, 60, 62, 63, 82, 83 và Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Về hôn nhân cho ly hôn giữa chị Đinh Thị Bích N và anh Trần Ngọc S; về con chung: giao con chung là cháu Trần T; sinh ngày 27/01/2015 cho anh S trực tiếp nuôi dưỡng buộc chị N phải đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con chung; về tài sản chung: Không có nên không yêu cầu Toà án giải quyết; nợ chung: Theo hồ sơ có trong vụ án số tiền vay khế ước 6600000708245851 có dư nợ là 40.000.000 đ được Phòng giao dịch ngân hàng chính sách xã hội huyện Minh Hóa đưa ra sau phiên họp về việc giao

nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ nên không được chấp nhận giải quyết tại phiên tòa, Phòng giao dịch ngân hàng chính sách xã hội huyện Minh Hóa chỉ được giải quyết phần nợ theo Khế ước 6600000706760102 có dư nợ là 20.000.000 đ, buộc anh S, chị N mỗi người phải trả số tiền 10.000.000 đ cho Phòng giao dịch ngân hàng chính sách xã hội huyện Minh Hóa; buộc anh S, chị N trả cho Ngân hàng TMCP bưu điện Liên Việt - chi nhánh Quảng Bình số tiền 32.276.903 đ, mỗi người phải trả số tiền 16.138.451 đ.

- Ông Hồ Hải D: Đồng ý như ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát, đối với khế ước 6600000708245851 có dư nợ là 40.000.000 đ, ngân hàng sẽ khởi kiện bằng một vụ án khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng: Chị Đinh Thị Bích N yêu cầu giải quyết ly hôn với anh Trần Ngọc S, xét yêu cầu khởi kiện là đúng quy định của pháp luật cần chấp nhận, căn cứ Điều 28, 35, 39 của Bộ luật tố tụng dân sự vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Minh Hóa. Nguyên đơn có đơn đề nghị xin xét xử vắng mặt, bị đơn được triệu tập hợp lệ lần thứ 2 vẫn vắng mặt, căn cứ Điều 227 và Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn.

[2]. Về quan hệ hôn nhân: Chị Đinh Thị Bích N và anh Trần Ngọc S kết hôn trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện và được UBND xã Xuân Hóa, huyện Minh Hóa, tỉnh Quảng Bình cấp giấy chứng nhận kết hôn, vì vậy đây là cuộc hôn nhân hợp pháp.

[3]. Xét yêu cầu ly hôn của Đinh Thị Bích N: Vợ chồng chị N, anh S không còn yêu thương, quý trọng, quan tâm, chăm sóc và giúp đỡ lẫn nhau nữa thể hiện qua lời trình bày của chị N, anh S tại Tòa án. Hai vợ chồng có nhiều mâu thuẫn do bất đồng trong cuộc sống và không thể hàn gắn, hai vợ chồng chị N, anh S cũng đã sống ly thân hơn hai năm. Tòa án xét thấy tình trạng hôn nhân của chị N và anh S đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, yêu cầu ly hôn của chị N là có căn cứ phù hợp với Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[4]. Về con chung: Chị N và anh S có 01 con chung là cháu Trần T, sinh ngày 27/01/2015, nguyện vọng của chị N là xin được nuôi dưỡng cháu T, anh S cũng muốn nuôi dưỡng cháu T. Hội đồng xét xử xét thấy cháu T hiện tại đang ở với anh S trong nhà của bố mẹ anh S, chị N hiện tại đã đi làm ăn ở Miền Nam không trực tiếp chăm sóc được cháu T, xuất phát từ lợi ích mọi mặt của con cần giao con cho anh S nuôi dưỡng là đúng quy định của pháp luật là phù hợp với quy định tại Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Căn cứ Điều 82 Luật hôn nhân và gia đình cần buộc chị

N đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 1.000.000 đ cho đến khi con đủ 18 tuổi.

[5]. Về tài sản chung: Không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6]. Về nợ chung: Hai vợ chồng chị N và anh S có vay nợ tại tại Phòng giao dịch ngân hàng CSXH huyện Minh Hóa theo hình thức tín chấp với số tiền 60.000.000 đ với hai khế ước: Khế ước 6600000706760102 có dư nợ là 20.000.000 đ, khế ước 6600000708245851 có dư nợ là 40.000.000 đ và vay tại Ngân hàng TMCP bưu điện Liên Việt - chi nhánh Quảng Bình theo hợp đồng tín dụng số HDTD4502018325 số tiền phải trả tính đến ngày 17/02/2020 là 32.276.903 đ. Do yêu cầu trả nợ theo khế ước 6600000708245851 có dư nợ là 40.000.000 đ của Phòng giao dịch ngân hàng CSXH huyện Minh Hóa được yêu cầu sau phiên họp về việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ nên Hội đồng xét xử không được chấp nhận giải quyết tại phiên tòa, ông Hồ Hải D cũng đồng ý sẽ khởi kiện đến Tòa án bằng một vụ án khác.

Căn cứ Điều 27, 30 và Điều 37 của Luật hôn nhân và gia đình; Điều 213, 219 của Bộ luật Dân sự cần buộc chị N và anh S có trách nhiệm trả nợ cho hai ngân hàng cụ thể: Trả cho Phòng giao dịch ngân hàng chính sách xã hội huyện Minh Hóa theo khế ước 6600000706760102 có dư nợ là 20.000.000 đ gồm cả gốc và lãi, anh S, chị N mỗi người trả số tiền 10.000.000 đ; trả cho Ngân hàng TMCP bưu điện Liên Việt - chi nhánh Quảng Bình theo hợp đồng tín dụng số HDTD4502018325 số tiền 32.276.903 đ gồm cả gốc là lãi, mỗi người phải trả số tiền 16.138.451 đ.

[7]. Xét ý kiến về việc giải quyết vụ án của kiểm sát viên viện kiểm sát nhân dân huyện Minh Hóa: Ý kiến của Kiểm sát viên về quan hệ hôn nhân, chia con chung và nợ chung là có căn cứ và hợp lý cần chấp nhận.

[8]. Về án phí: Chị N, anh S phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 28, 35, 39, 147, 227, 228, 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 213, 219, 463, 466 và Điều 468 của Bộ luật Dân sự; Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng.

Áp dụng các Điều 27, 30, 33, 37, 55, 57, 59, 60, 63, 82, 83, 84 và Điều 62 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Đinh Thị Bích N và anh Trần Ngọc S.

2. Về con chung: Giao con chung Trần T, sinh ngày 27/01/2015 cho anh S trực tiếp nuôi dưỡng, chị Đinh Thị Bích N phải đóng góp cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.000.000 đồng cho đến khi cháu T đủ 18 tuổi. Thời gian cấp dưỡng kể từ tháng 03/2020.

Cả hai bên đều có quyền và nghĩa vụ đối với con chung. Bên không nuôi con được quyền tới lui, thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được quyền ngăn cản. Trường hợp bên không trực tiếp nuôi con chung lạm dụng việc thăm nom đến cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung thì bên trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Toà án hạn chế quyền thăm nom con theo quy định của pháp luật. Bên trực tiếp nuôi con cùng các thành viên trong gia đình không được quyền cản trở bên không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung.

Khi cần thiết, trên cơ sở lợi ích của con chung thì bên trực tiếp nuôi con, bên không trực tiếp nuôi con, có quan, tổ chức và cá nhân có thẩm quyền có quyền yêu cầu Toà án thay đổi người nuôi con, mức cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

3. Về tài sản chung: Không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

4. Về nợ chung:

4.1. Xác định khoản nợ vay 20.000.000 đ gồm cả gốc và lãi theo khế ước 6600000706760102 của Phòng giao dịch ngân hàng chính sách xã hội huyện Minh Hóa là nợ chung của chị N và anh S.

4.2. Xác định khoản nợ vay 32.276.903 đ gồm cả gốc và lãi theo theo hợp đồng tín dụng số HDTD4502018325 của Ngân hàng TMCP bưu điện Liên Việt - chi nhánh Quảng Bình là nợ chung của chị N và anh S.

4.3. Buộc chị Đinh Thị Bích N và anh Trần Ngọc S mỗi người phải trả 10.000.000 đ khoản nợ vay theo khế ước 6600000706760102 của Phòng giao dịch ngân hàng chính sách xã hội huyện Minh Hóa.

4.4. Buộc chị Đinh Thị Bích N và anh Trần Ngọc S mỗi người phải trả 16.138.451đ khoản nợ vay theo hợp đồng tín dụng số HDTD4502018325 của Ngân hàng TMCP bưu điện Liên Việt - chi nhánh Quảng Bình.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong án, khoản tiền trên hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

5. Về án phí: Chị Đinh Thị Bích N phải chịu 300.000 đồng án phí sơ thẩm ly hôn nhưng được khấu trừ tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng theo biên lai số: 0004166 ngày 24/6/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Minh Hoá, tỉnh Quảng Bình.

Án phí cấp dưỡng nuôi con theo định kỳ: Chị Đinh Thị Bích N phải chịu 300.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Chị Đinh Thị Bích N phải chịu 1.306.000 đ án phí sơ thẩm về chia nợ chung, anh Trần Ngọc S phải 1.306.000 đ án phí sơ thẩm về chia nợ chung.

6. Quyền kháng cáo: Đương sự có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (17/02/2020). Đương sự vắng mặt tại phiên toà hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

7. Quyền yêu cầu thi hành án dân sự: Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND huyện Minh Hóa;
- THADS huyện Minh Hóa;
- TAND tỉnh Quảng Bình;
- UBND xã Xuân Hóa;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Đinh Đức Cảnh